

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG HỒ
TỈNH VINH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập–Tự do–Hạnh phúc**

Bản án số: 112/2018/ HNGĐ-ST

Ngày 01-11-2018

V/v Không công nhận quan hệ vợ chồng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ, TỈNH VINH LONG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

-Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Công Bằng

-Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Hưng

2. Ông Nguyễn Văn Trước

-Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết Hoa –Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long

-Đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân huyện Long Hồ: Không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 01 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ xét xử công khai sơ thẩm vụ án Hôn nhân & Gia đình sơ thẩm thụ lý số: 415/2018/ TLST- HNGĐ ngày 19 tháng 9 năm 2018, về việc “ Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số : 251/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn:*** Chị Lê Thị Ngọc A, sinh năm: 1973

Địa chỉ: ấp P, xã H, huyện T, tỉnh L.

2. ***Bị đơn:*** Anh Phạm Văn T, sinh năm: 1981 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp L, xã B, huyện H, tỉnh L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

-Theo đơn khởi kiện ngày 18/9/2018 và trong quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn chị Lê Thị Ngọc A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Qua quen biết chị và anh T tự nguyện sống chung với nhau như vợ chồng, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán vào ngày 16/11/2010 (âm lịch) nhưng không có đăng ký kết hôn do cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, xảy ra nhiều mâu thuẫn, anh T thường hay ghen tuông nên chị không muốn đăng ký kết hôn. Sau khi cưới anh chị thuê nhà trọ sống, đến khi sinh con thì về nhà chung sống với gia đình anh T, khoảng vài tháng chị và con về nhà mẹ ruột ở cho đến nay, còn anh T thì sống với gia đình anh T và tới lui thăm con, vì

thương con nên cô chịu đựng. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị yêu cầu ly hôn với anh T.

Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Ngọc Như Y, sinh ngày 31/8/2013, hiện do chị nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Chị cam kết không có thiếu nợ ai trong thời kỳ hôn nhân, nếu có chị cam kết trả nợ theo quy định của pháp luật.

-Bị đơn anh Phạm Văn T trình bày: Qua quen biết anh và chị A tự nguyện tiến đến hôn nhân, nhưng không có đăng ký kết hôn, do chị A không đồng ý. Trong thời gian chung sống giữa anh và chị A có nhiều mâu thuẫn, thường hay cự cãi, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được, nên chị A và con đã về nhà cha mẹ của chị A ở. Nay tình cảm vợ chồng không còn, anh đồng ý ly hôn với chị A.

Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Ngọc Như Y, sinh ngày 31/8/2013, hiện do chị A nuôi dưỡng. Khi ly hôn anh đồng ý giao con cho chị A tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Anh cam kết không có thiếu nợ ai trong thời kỳ hôn nhân, nếu có anh cam kết trả nợ theo quy định của pháp luật.

-Ý kiến của chị Ánh tại phiên tòa: Chị vẫn bảo lưu yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ly hôn với anh T, yêu cầu tiếp tục nuôi con, về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu giải quyết. Ngoài ra chị không có yêu cầu gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Anh Phạm Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng có đơn xin giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh T.

[2]. Xét về quan hệ hôn nhân: Chị A và anh T sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 2010, nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm vào khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó hôn nhân của chị A và anh T không có giá trị pháp lý.

[3]. Trong thời gian chung sống giữa chị A và anh T xảy ra nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Nhiều năm nay chị A và anh T không còn chung sống với nhau. Tình cảm của anh chị hiện nay không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh T cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị A. Nhưng do giữa chị A

và anh T không có đăng ký kết hôn nên không công nhận chị A và anh T là vợ chồng.

[4]. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận giữa chị A và anh T. Giao cháu Lê Ngọc Như Y cho chị A tiếp tục nuôi dưỡng.

[5]. Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu giải quyết.

[6]. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Về nợ chung: Các đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8]. Về án phí: Buộc chị A phải nộp toàn bộ tiền án phí Hôn nhân & Gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 9 Điều 14, Điều 15, Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 3, Điều 27 của Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không công nhận chị Lê Thị Ngọc A và anh Phạm Văn T là vợ chồng.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận giữa chị Lê Thị Ngọc A và anh Phạm Văn T: Giao cháu Lê Ngọc Như Y, sinh ngày 31/8/2013 cho chị Lê Thị Ngọc A tiếp tục nuôi dưỡng.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu giải quyết.

4. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

6. Về án phí: Buộc chị Lê Thị Ngọc A nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí Hôn nhân & Gia đình sơ thẩm. Chị A đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo lai thu số 0001834 ngày 19/9/2018 tại chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Hồ nên được khấu trừ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử có mặt nguyên đơn, bị đơn vắng mặt, báo cho đương sự biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú./.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Long Hồ;
- CC THADS huyện Long Hồ;
- Các đương sự trong vụ án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Công Bằng